

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
NGÀNH: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Công nghệ Dệt, May
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Ngành đào tạo: Công nghệ Dệt, May (Textile - Apparel Technology)
Mã chuyên ngành: 9540204

(Ban hành theo Quyết định số 2764/QĐ-ĐH BK-SĐH ngày 28 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Tiến sĩ ngành Công nghệ Dệt, May có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến kiến thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia đồng thời có khả năng đào tạo các bậc Đại học và Cao học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã kết thúc thành công chương trình đào tạo, Tiến sĩ ngành Công nghệ Dệt, May:

Có khả năng phát hiện và trực tiếp giải quyết các vấn đề khoa học thuộc các lĩnh vực kỹ thuật Dệt, May như: Vật liệu Dệt May, Công nghệ Hóa dệt, Công nghệ Sợi Dệt, Công nghệ và Thiết kế sản phẩm May

Có khả năng tự định hướng, dẫn dắt, lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc các lĩnh vực (kỹ thuật) Dệt, May.

Có khả năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ nghiên cứu và phát triển, khả năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Dệt, May.

Có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực Dệt, May.

Có khả năng nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia thuộc lĩnh vực Dệt, May.

Có khả năng cao để trình bày, giới thiệu (bằng các hình thức bài viết, báo cáo hội nghị, giảng dạy đại học và sau đại học) các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực nói trên.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo là 3 năm đối với NCS có bằng tốt nghiệp ThS, 4 năm đối với NCS có bằng tốt nghiệp ĐH. Trong 24 tháng đầu, NCS phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường.

3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng học tập tối thiểu 106 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ.

Trong đó:

- + Luận án tiến sĩ tương đương với 90 tín chỉ (tương đương 30 TC/năm).
- + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ.
- + Học phần tiến sĩ: tối thiểu 08 tín chỉ.
- + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ (03 chuyên đề tiến sĩ, mỗi chuyên đề 2 tín chỉ).
- + Các học phần bổ sung: Từ 4 đến 16 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ *chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng hoặc thạc sĩ ngành gắn* với ngành đăng ký làm tiến sĩ.

Đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

Khối lượng của *các học phần bổ sung* được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng Thạc sĩ với ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đúng, phù hợp hoặc gần phù hợp với ngành/chuyên ngành dặt may. Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học, chỉ tuyển sinh ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đúng, phù hợp. Mức độ "*phù hợp hoặc gần phù hợp*" với ngành/chuyên ngành dặt may, được định nghĩa cụ thể ở mục 4.1 sau đây.

Ngoài ra, người dự tuyển phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
- b. Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của

Việt Nam cấp;

c. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học tại ĐHBKHN.

4.1. Định nghĩa

Ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp: Là các thí sinh có bằng Thạc sĩ ngành "Công nghệ Vật liệu dệt may".

Các thí sinh có bằng Đại học ngành: Công nghệ hoặc kỹ thuật dệt, Công nghệ hoặc kỹ thuật may, Công nghệ hoặc kỹ thuật nhuộm và hoàn tất, Công nghệ hóa dệt, Công nghệ sợi dệt, Vật liệu dệt may, Công nghệ da giày.

Ngành/chuyên ngành gần phù hợp: Là các thí sinh có bằng Thạc sĩ:

Chuyên ngành thiết kế thời trang của các trường Đại học kỹ thuật.

Ngành Công nghệ Hóa học.

Ngành Khoa học và Công nghệ Vật liệu.

Ngành Cơ khí.

Những trường hợp khác, Hội đồng tuyển sinh Trường sẽ xem xét, quyết định.

4.2. Phân loại đối tượng ngành

- Đối tượng A1: Thí sinh có bằng Thạc sĩ Khoa học của ĐH Bách Khoa Hà Nội hoặc Thạc sĩ Kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, Thạc sĩ các trường đại học ở nước ngoài có uy tín cấp (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) với ngành tốt nghiệp cao học đúng với ngành/chuyên ngành Tiến sĩ.

Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung.

- Đối tượng A2: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đúng, phù hợp với ngành/chuyên ngành xếp loại "Giỏi" trở lên.
Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung toàn bộ chương trình thạc sĩ chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu.
- Đối tượng A3: Thí sinh có bằng ThS kỹ thuật (thạc sĩ theo định hướng ứng dụng) đúng ngành hoặc có bằng thạc sĩ tốt nghiệp ngành gần phù hợp.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quyết định số 2764/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 28/8/2017 về tổ chức và quản lý đào tạo Sau đại học của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

Các học phần bổ sung, học phần tiến sĩ và chuyên đề tiến sĩ phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).

6. Thang điểm

Khoản 6a Điều 62 của Quy định 2764/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 28/8/2017 quy định:

Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).

Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

Điểm số từ 8,5 – 10	chuyển thành điểm A (Giỏi)
Điểm số từ 7,0 – 8,4	chuyển thành điểm B (Khá)
Điểm số từ 5,5 – 6,9	chuyển thành điểm C (Trung bình)
Điểm số từ 4,0 – 5,4	chuyển thành điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới 4,0	chuyển thành điểm F (Kém).

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo	A1	A2	A3
1	HP bổ sung	0	ThS (chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu)	$16TC \geq \text{Bổ sung} \geq 4TC$
	HP TS	8TC		
2	TLTQ	2TC (Thực hiện và báo cáo trong năm học đầu tiên)		
	CĐTS	Tổng cộng 3 CĐTS, mỗi CĐTS 2TC		
3	NC khoa học và Luận án TS	90 TC (tương ứng với 30 TC/năm)		

Lưu ý:

Số TC qui định cho các đối tượng trong Bảng trên là số TC tối thiểu NCS phải hoàn thành.

Đối tượng A2 phải thực hiện toàn bộ các học phần qui định trong chương trình ThS (chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu) của ngành tương ứng, không cần thực hiện luận văn ThS.

Các HP bổ sung được lựa chọn từ chương trình đào tạo Thạc sĩ của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ.

Việc qui định số TC của HP bổ sung cho đối tượng A3 do Hội đồng khoa học Viện chuyên ngành và người hướng dẫn (NHD) quyết định dựa trên cơ sở đối chiếu các học phần trong bảng kết quả học tập ThS của thí sinh với chương trình ThS hiện tại của ngành đúng chuyên ngành Tiến sĩ nhưng phải đảm bảo số TC tối thiểu và tối đa trong bảng.

Các HP TS được NHD đề xuất từ chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của trường nhằm trang bị kiến thức cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu cụ thể của LATS. Trong đó phải có tối thiểu 04 Tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ đúng chuyên ngành.

7.2. Học phần bổ sung

Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

7.2.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ (Đối tượng A2)

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận là NCS gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ Khoa học ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May: Toàn bộ 25 TC + các học phần bổ sung cho hệ 4 - 4,5 năm của chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành “Công nghệ Vật liệu Dệt May” (không kể 15 TC của luận văn tốt nghiệp).

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Kiến thức chung	SS6011	Triết học	3	
Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (16TC)	TEX5031	Thiết kế vải dệt thoi	2	2(2-1-0-4)
	TEX5123	Phân tích hóa học sản phẩm dệt may	2	2(2-0-1-4)
	TEX6010	Xơ dệt mới	2	2(2-0-0-4)
	TEX6020	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi	2	2(2-0-0-4)
	TEX6030	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6040	Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất Dệt May	2	2(2-0-0-4)
	TEX6050	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2(2-0-0-4)

	TEX6060	Kỹ thuật may hiện đại	2	2(2-0-0-6)
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (8TC)	TEX5062	Nhân trắc học may mặc	2	2(2-0-1-4)
	TEX5023	Động học nhuộm	2	2(2-0-0-4)
	TEX6070	Cơ học vật liệu Dệt May	2	2(2-0-0-6)
	TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)
Kiến thức cơ sở tự chọn (chọn 6TC)	TEX5032	Đo lường may	2	2(2-0-0-4)
	TEX5161	Đo lường dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX5132	CN may sản phẩm từ VL đặc biệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX5041	Cấu trúc vải dệt kim phức tạp	2	2(2-1-0-4)
	TEX5021	Cấu trúc sợi	2	2(2-0-0-4)
	TEX5133	Xử lý hoàn tất SP may	2	2(2-0-0-4)
Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 6TC)	TEX6110	Vật liệu polyme dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6120	Hóa học và hóa lý vật liệu dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6130	Hình học vải dệt thoi	2	2(2-1-0-4)
	TEX6140	Tiện nghi trang phục	2	2(2-0-0-4)
	TEX6150	Vật liệu dệt trong composit polyme	2	2(1.5-1-0-4)
	TEX6160	Khoa học màu sắc	2	2(2-0-0-4)
	TEX6170	Xử lý số liệu thực nghiệm trong Dệt May	2	2(2-0-0-6)
	TEX6200	Vật liệu dệt cho quần áo bảo vệ	2	2(2-0-0-4)
	TEX6220	Sản phẩm dệt may ứng dụng y sinh học	2	2(2-0-0-4)

7.2.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần (Đối tượng A3)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ kỹ thuật đúng (phù hợp) học các học phần bổ sung 4 TC như sau:

MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
TEX6070	Cơ học vật liệu Dệt May	2	2(2-0-0-6)
TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành/chuyên ngành, học tối thiểu 10 TC (tối đa 16 TC) các học phần bổ sung như trong bảng sau đây. Danh mục học phần do GVHD đề xuất.

MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
TEX6070	Cơ học vật liệu dệt may	2	2(2-0-0-6)
TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)
TEX6060	Kỹ thuật may hiện đại	2	2(2-0-0-4)
TEX6010	Xơ dệt mới	2	2(2-0-0-4)
TEX6020	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi	2	2(2-0-0-4)
TEX6030	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt	2	2(2-0-0-4)
TEX6040	Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất dệt may	2	2(2-0-0-4)
TEX6050	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2(2-0-0-4)

7.3. Học phần Tiến sĩ

Các HP TS nhằm giúp NCS cập nhật các kiến thức mới nhất của lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận NC và khả năng ứng dụng các phương pháp NC khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực NC. Mỗi HP TS được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 TC. Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 8 TC tương ứng với 3 HP trở lên.

7.3.1. Danh mục học phần Tiến sĩ

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
1	TEX7010	Khoa học vật liệu dệt may	1. PGS. TS. Vũ Thị Hồng Khanh 2. TS. Chu Diệu Hương	3	3(3-0-0-6)
2	TEX7021	Khoa học tạo sợi dệt	1. TS. Nguyễn Minh Tuấn 2. TS. Hoàng Thanh Thảo	2	2(2-0-0-6)
3	TEX7031	Lý thuyết dệt thoi	1. PGS. TS. Trần Minh Nam 2. TS. Lê Phúc Bình	2	2(2-0-0-6)
4	TEX7041	Lý thuyết dệt kim	1. TS. Chu Diệu Hương 2. TS. Lê Phúc Bình	2	2(2-0-0-6)
5	TEX7051	Kỹ thuật thiết kế và mô phỏng trang phục 3 chiều	1. PGS. TS. Ngô Chí Trung 2. PGS. TS. Bùi Văn Huân 3. TS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc	2	2(2-0-0-6)
6	TEX7061	Lý thuyết quá trình công nghệ may	1. PGS. TS. Phan Thanh Thảo 2. PGS. TS. Trần Bích Hoàn	2	2(2-0-0-6)

* Nghiên cứu sinh có thể chọn một học phần tự chọn liên quan đến lĩnh vực dệt may trong các học phần do Viện Dệt may-Da giày và Thời trang phụ trách, phù hợp với yêu cầu của đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên lưu ý phải có tối thiểu 04 Tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ đúng chuyên ngành.

7.3.2. Mô tả tóm tắt học phần Tiến sĩ

TEX7010 Khoa học vật liệu dệt may

Môn học trang bị các kiến thức cần thiết về sự tương tác giữa sản phẩm dệt may và môi trường sử dụng cũng như giữa nguyên liệu dệt và quá trình sản xuất sản phẩm dệt may; bản chất và cơ sở hình thành các đặc trưng cơ học, lý học, sinh học, hoá học của vật liệu dệt và phản ứng của chúng trong quá trình sử dụng. Từ đó, có thể xây dựng mô hình thể hiện mối tương quan giữa chúng.

TEX7010 Science of textile materials

The lecture imparts the knowledge to the student about the interaction between textile product and its surrounding environments as well as textile materials and production processing; The substance and the fundamental formation of mechanical properties, physical properties, biological properties, chemical properties and their behavior during using. Those interactions would be simulated to determinate the relationship between them.

TEX7021 Khoa học tạo sợi dệt

Học phần trang bị kiến thức nâng cao về cơ sở khoa học của các quá trình công nghệ tạo sợi dệt từ xơ dệt bao gồm khoa học xé sợi, trộn đều hỗn hợp, động lực học quá trình phân chải, khoa học xe sẵn tạo bện, tạo sợi và quấn ống.

TEX7021 Science of yarn forming

The subject aims to update advanced knowledge and scientific fundamentals of spun yarn forming process from fibres including opening science, mixing science, carding dynamic, twisting science to create yarn strenght as well as yarn forming and winding science

TEX7031 Lý thuyết dệt thoi

Học phần truyền đạt cho NCS lý thuyết nâng cao về quấn ống tự động, các chất hồ và công nghệ hồ mới, phương trình chuyển động của sợi ngang, nguyên lý đo các thông số công nghệ dệt và mô hình hoá quá trình dệt.

TEX7031 Weaving theory:

The lecture imparts the knowledge to the students about the advanced theory of the automatic winding, new sizes and sizing technology, the equation of the motion of the weft, the principle of the measurement of the parameters of the weaving technology and the modelling of the weaving process.

TEX7041 Lý thuyết dệt kim

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về khoa học dệt kim: hình dạng vòng sợi dệt kim, hình học vải dệt kim, động lực học một số quá trình công nghệ trên máy kim đan ngang và đan dọc và một số kỹ thuật mới trong công nghiệp dệt kim.

TEX7041 Knitting theory

The lecture is consisted of some basic aspects of knitting science: knitted loop shape, knitted fabric geometry, the dynamic of some processing technologies in weft knitting and warp knitting machine and some new technics in knitted industry.

TEX7051 Lý thuyết thiết kế và mô phỏng trang phục

Học phần trang bị các kiến thức cơ sở về mối quan hệ giữa cơ thể người với thiết kế trang phục, giữa tính chất vật liệu may với thiết kế trang phục; lý thuyết thiết kế và mô phỏng trang phục 3 chiều; phương pháp đánh giá.

TEX7051 Theory of apparel design and modeling

The lecture is consisted of bases of relationship between human body and garment design; between garment materials properties and apparel design; theory of three-dimensional (3-D) apparel design; garment modeling and evaluation methods.

TEX7061 Lý thuyết quá trình công nghệ may

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh các kiến thức nâng cao về cơ sở khoa học của các quá trình công nghệ tạo sản phẩm may bao gồm: trải vải, cắt, chuẩn bị may, khoa học may dùng chỉ và may không chỉ, hoàn thiện sản phẩm may; Ứng dụng kỹ thuật cơ điện tử và điều khiển tự động trong công nghệ trải-cắt-may-hoàn tất sản phẩm.

TEX7061 Theory of clothing technology

This unit of study is equipped for postgraduate students to improve their knowledge about the scientific basis of the technological process to create garments products, such as: Spreading, cutting, sewing preparation, scientific sewn seam and sewfree seam, improving garment products; The applications of the mechanical-electronic engineering and the automatic control in the spreading-cutting-sewing-improving garment technology of the garment products.

7.3.3. Kế hoạch học tập các học phần Tiên sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần Tiên sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày Ký quyết định công nhận NCS và theo kế hoạch năm học. HP TS được coi là đạt nếu điểm kết thúc đạt từ C trở lên

Các HP TS được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Khi NCS nhập học, NCS phải đăng ký học các HP TS và nộp cho Viện Đào tạo Sau đại học.

Bước 2: Viện Dệt may-Da giày và Thời trang lên kế hoạch tổ chức lớp và thông báo cho giáo viên phụ trách học phần và giao cho giáo viên phụ trách HP trong tuần thứ 5 của học kỳ.

Bước 3: NCS thực hiện các HP TS theo đúng qui định và yêu cầu của môn học.

Bước 4: Giáo viên giảng dạy có trách nhiệm nộp cho Viện Dệt may-Da giày và Thời trang kết quả học phần chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc học kỳ để Viện chuyên ngành nộp kết quả cho Viện Đào tạo Sau đại học.

7.4. Tiểu luận tổng quan

Bài TLTK về tình hình NC và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: thể hiện kết quả NC phân tích, đánh giá các công trình NC đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung NC giải quyết.

Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các

công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ. NCS thực hiện bài TLTQ dưới sự hướng dẫn của NHD luận án.

Tiểu luận tổng quan được đánh giá kết thúc thông qua hình thức báo cáo trước đơn vị chuyên môn (báo cáo trình bày trong khoảng 15 phút), tranh luận và trả lời câu hỏi, sau đó đơn vị chuyên môn sẽ đánh giá bài TLTQ đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, có ghi biên bản buổi báo cáo.

TLTQ coi là học phần bắt buộc. NCS phải hoàn thành bài TLTQ với kết quả đạt yêu cầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển. Tiểu luận tổng quan tương đương với 2 tín chỉ.

7.5. Chuyên đề Tiến sĩ

Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Các chuyên đề tiến sĩ giúp NCS giải quyết trực tiếp một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ. Mỗi chuyên đề tiến sĩ tương đương 2 Tín chỉ.

Nghiên cứu sinh cùng người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể gắn liền, thiết thực, phản ánh kết quả nghiên cứu của luận án Tiến sĩ. NCS thực hiện chuyên đề tiến sĩ dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn luận án.

CĐTS là học phần bắt buộc. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành chuyên đề tiến sĩ trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở 3 tháng.

CĐTS được coi là đạt nếu kết quả trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ C trở lên.

7.6. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

NC khoa học là giai đoạn chính, mang tính bắt buộc trong quá trình NCS thực hiện LATS. Đây là giai đoạn mà NCS có thể đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới, hình thành các cơ sở quan trọng nhất để viết LATS.

NCS phải chủ động thực hiện nhiệm vụ NCKH và kết quả nghiên cứu phải được công bố chính thức thành các bài báo khoa học theo đúng quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ. Các đề tài NCKH và bài viết công bố phải phù hợp với mục tiêu của luận án, đảm bảo tính trung thực, tính khoa học và tính mới. Nội dung các bài báo không được trùng lặp và phản ánh các nội dung chính của luận án. Các bài báo, phát minh, sáng chế là kết quả nghiên cứu, nghiên cứu sinh phải đứng tên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ:

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

- a. Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);
- b. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
- c. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Đáp ứng được yêu cầu về công bố đối với luận án:

Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

Về cấu trúc luận án, cách trình bày:

Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng anh (Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng anh) sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, mã UNICODE.

Có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc của luận án gồm:

- a. Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;
- b. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
- c. Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;
- d. Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
- đ. Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- e. Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định;
- f. Danh mục các công trình/bài báo đã công bố của luận án;
- g. Phụ lục (nếu có).

8. Danh sách Tạp chí/Hội nghị khoa học

NCS có thể chọn công bố các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ hoàn thành luận án Tiến sĩ trong tạp chí khoa học có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính từ 1 điểm trở lên.